

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HSST  
Ngày 27-7-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Văn Hòa và ông Lê Văn Lượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Đình Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa:** Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2017/HSST ngày 27-6-2017 đối với bị cáo:

**Lò Văn N**, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 9, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lò Văn Đ và con bà Lục Thị Ú; bị cáo có vợ: Lương Thị N, hiện làm nông tại: Thôn 9, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và 02 con. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20-12-2016, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đăk Glong. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF B, địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức H – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý và phát triển rừng (*Theo Giấy ủy quyền số: 06/2017/UQ – BS ngày 10-4-2017*). Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21-10-2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông có Quyết định số 1698/QĐ-UBND, cho Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF L (*Đổi tên là Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ B, sau đây gọi tắt là Công ty B*) thuê quyền sử dụng đất và thuê rừng với tổng diện tích là 2.023ha để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông lâm nghiệp tại các khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Tiểu khu 1673; các khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Tiểu khu 1650 thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Trong đó mục đích sử dụng đất để trồng keo lai là 57,7ha. Thời hạn thuê đất, thuê rừng là 50 năm. Tháng 11-2013, Lò Văn N vào khu vực đất tại lô 3, lô 9 khoảnh 11 tiểu khu 1673 dựng lán trại và dọn cỏ trồng mỳ. Đến tháng 7-2014 Công ty B yêu cầu N di dời lán

trại, trả lại đất cho Công ty và hỗ trợ cho N số tiền 4.000.000đ. N đồng ý rời tháo dỡ lán trại ra khỏi khu vực đất trên. Sau đó Công ty B cho N tiếp tục trồng mỳ trên diện tích 01ha trong khi Công ty B chưa tiến hành trồng cây keo.

Ngày 24-8-2014, Công ty B ký hợp đồng kinh tế với anh Ngô Văn T, trú tại: Thôn 12, xã Q, huyện Đ để anh T nhận khoán thi công trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng trồng năm 2014 tại Tiểu khu 1650 và 1673 với diện tích 4,2ha. Sau đó anh T đã tiến hành phát dọn, trồng cây keo lai trên diện tích trên với mật độ trồng cây keo lai đảm bảo theo hồ sơ thiết kế là 3.125 cây/ha. Anh T đã thực hiện xong hợp đồng và bàn giao lại cho Công ty B, tỷ lệ cây keo lai còn sống là 90% so với ban đầu.

Ngày 20-5-2015, Công ty B tiếp tục ký hợp đồng kinh tế với anh Bùi Khắc H, trú tại: Thôn 12, xã Q, huyện Đ, để anh H nhận khoán thi công trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng trồng năm 2015 tại Tiểu khu 1650 và 1673 với diện tích 13,4ha. Trong diện tích đất anh H nhận khoán có diện tích đất N đã trồng mỳ. Sau đó anh H đã trồng keo lai trên diện tích trên với mật độ trồng cây keo lai đảm bảo theo hồ sơ thiết kế là 3.125 cây/ha. Vì lúc này cây mỳ do N trồng chưa thu hoạch nên anh H đã trồng cây keo lai xen vào cây mỳ của N. Anh H đã thực hiện xong hợp đồng và bàn giao lại cho Công ty B, tỷ lệ cây keo lai còn sống khi bàn giao là 90% so với ban đầu. Công ty B yêu cầu N đến tháng 12-2015 phải trả lại đất cho Công ty, không được canh tác nữa. N đồng ý và cam kết không làm hư hại đến cây keo mà Công ty đã trồng.

Tháng 12-2015, trong quá trình thu hoạch mỳ, N đã dùng dao chặt hết cây keo lai trồng năm 2015 trên diện tích 1.200m<sup>2</sup> của Công ty B rồi trồng tiêu, mỳ và bo bo lên diện tích đất này. Tiếp đó vì muốn mở rộng diện tích đất nên từ ngày 13-4-2016 đến ngày 16-4-2016, N đã dùng dao chặt hết cây keo lai trồng năm 2014 của Công ty B trên diện tích 6.000m<sup>2</sup>; từ ngày 18-4-2016 đến tháng 6-2016 N tiếp tục dùng cuốc, cuốc bật gốc và cuốc đứt cây keo lai trồng năm 2015 của Công ty B trên diện tích 9.800m<sup>2</sup>. Tổng diện tích cây keo lai Công ty B trồng năm 2015 N đã hủy hoại là 11.000m<sup>2</sup> Công ty B phát hiện vụ việc nên đã trình báo cơ quan Công an. Sau đó hành vi của Lò Văn N bị khởi tố để điều tra.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản ngày 08-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đăk Glong kết luận:

- Tổng số cây keo lai được trồng năm 2014 trên diện tích 6.000m<sup>2</sup> bị thiệt hại là 1.687,5 cây, trị giá 42.187.500đ.

- Tổng số cây keo lai được trồng năm 2015 trên diện tích 11.000m<sup>2</sup> bị thiệt hại là 3.093,75, trị giá 42.187.500đ.

Tổng giá trị tài sản định giá là 82.406.250đ.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Lò Văn N đã tác động gia đình nộp số tiền 2.000.000đ bồi thường cho Công ty Công ty B. Số tiền này đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục THADS huyện Đăk Glong.

Cáo trạng số: 25/CTr-VKS ngày 26-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố bị cáo Lò Văn N về tội “Hủy hoại tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 143 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận nội dung sự việc như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong đã truy tố.

Đại diện nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Đức H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong thực hiện quyền công tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”. Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 143; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 01(Một) năm đến 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao, 01 lưỡi cuốc (*Có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng*). Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; 589 Bộ luật dân sự 2015, công nhận sự thỏa thuận của đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo. Theo đó bị cáo phải bồi thường cho Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF B số tiền: 35.000.000đ, được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường là 2.000.000đ được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 33.000.000đ cho Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF B.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12-2015 đến tháng 6-2016 tại Lô 3, lô 9 khoảnh 11 Tiểu khu 1673 thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện Đ, do Công ty Cổ phần kỹ nghệ L (*Nay đổi tên là Công ty MDF B*) quản lý, Lò Văn N đã dùng dao và cuốc hủy hoại cây keo lai trồng năm 2014 trên diện tích 6000 m<sup>2</sup> và cây keo lai trồng năm 2015 trên diện tích 11.000 m<sup>2</sup> của Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF B. Tổng giá trị tài sản bị hủy hoại là 82.406.250đ. Do đó hành vi của Lò Văn N đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo điểm g Khoản 2 Điều 143 của Bộ luật hình sự.

### **Điều 143 Bộ luật hình sự quy định:**

*1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm

.....

g) Gây thiệt hại cho tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty B để khắc phục một phần hậu quả. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Xét thấy cần thiết cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự Công ty B và bị cáo Lò Văn N thống nhất thỏa thuận, theo đó bị cáo phải bồi thường cho Công ty B số tiền thiệt hại về tài sản 35.000.000đ. Xét thấy thỏa thuận nói trên do các bên tự định đoạt không trái pháp luật nên cần công nhận là phù hợp. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho nguyên đơn dân sự số tiền 2.000.000đ và được tạm gửi tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho công ty B số tiền 33.000.000đ.

Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao, 01 lưỡi cuốc là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội “ Hủy hoại tài sản”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 143; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lò Văn N 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20-12-2016).

**2. Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 584; 589 Bộ luật dân sự 2015, công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn dân sự và bị cáo. Theo đó bị cáo phải bồi thường cho Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF B số tiền: 35.00000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), khấu trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, bị cáo còn phải tiếp tục bồi

thường số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu đồng) cho Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF B.

*Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.*

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao; 01 lưỡi cuốc (*Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong*).

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH/QH14, ngày 30/12/2016. Buộc cáo Lò Văn N phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐăkNông;
- Sở tư pháp tỉnh ĐăkNông;
- VKSND huyện Đăk Glong;
- Công an huyện Đăk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đăk Glong;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**ĐỖ VĂN THÀNH**